

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/DS-ST
Ngày 25 - 7 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Việt Khái

Ông Trần Văn Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Trong các ngày 14 và 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 284/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2025 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng X – Chủ hộ kinh doanh T1. Địa chỉ: Ấp T, xã P, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Chị Nguyễn Thị Mỹ M, sinh năm 1999 (có mặt).

2. Chị Nguyễn Thảo D, sinh năm 2002 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số B, ấp B, phường L, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1972 (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị Thu A, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã P, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T: Ông Nguyễn Hải D1 là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Thu A: Ông Trần Hoàng Ú

là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày:

Năm 2024, Hộ kinh doanh T1 (viết tắt là Tân Quang M1) và ông T, bà Thu A giao kết hợp đồng mua bán ký ngày 01/05/2024, theo đó, Tân Quang M1 bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt H, G và các nhãn hiệu khác cùng với thuốc, hoá chất cho nuôi trồng thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông T, bà A để ông bà nuôi tôm đến cuối vụ thanh toán dứt điểm cho Tân Quang M1.

Trong quá trình giao dịch, ông T, bà A không thực hiện trả đúng theo thỏa thuận mà hai bên thống nhất nên hai bên ngưng giao dịch. Ngày 31/8/2024, ông T ký Bảng đối chiếu công nợ xác nhận còn nợ Tân Quang M1 số tiền là 363.750.000 đồng. Tân Quang M1 đã liên hệ làm việc yêu cầu thanh toán số công nợ trên nhưng ông T, bà A vẫn không có thiện chí thanh toán gây khó khăn và thiệt hại cho Tân Quang M1.

Nay Tân Quang M1 yêu cầu ông T, bà Thu A phải liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Tân Quang M1 số tiền nợ gốc là 363.750.000 đồng.

Buộc ông T, bà Thu A phải liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Hoàng X – Chủ hộ kinh doanh T1 số tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả mà ông T và bà Thu A chưa trả với lãi suất 10%/năm theo quy định pháp luật, tính từ 01/09/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25/7/2025 là: 363.750.000 đồng x 0,83%/tháng x 10 tháng 25 ngày = 32.707.000 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi là 396.457.000 đồng.

Bị đơn ông T trình bày:

Ông thống nhất có ký hợp đồng mua thức ăn với Tân Quang M1, quá trình thực hiện hợp đồng ông còn nợ số tiền 363.750.000 đồng và đồng ý trả, tuy nhiên hiện nay do điều kiện khó khăn nên ông yêu cầu nguyên đơn tiếp tục đầu tư thức ăn để ông tiếp tục nuôi tôm thì ông mới có khả năng trả nợ, đối với tiền lãi ông không đồng ý.

Bị đơn bà Thu A trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông T.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn sẽ xem xét giảm gốc và lãi cho bị đơn trong giai đoạn thi hành án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Thống nhất số nợ theo yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị nguyên đơn xem xét miễn giảm phần lãi phát sinh do hoàn cảnh của bị đơn hiện nay rất khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Thu A yêu cầu xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán thuộc thẩm quyền của

Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền 363.750.000 đồng: Yêu cầu này là phù hợp hợp đồng mua bán ngày 01/5/2024, phù hợp với Bảng đối chiếu công nợ tháng 8/2024 thể hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền là 363.750.000 đồng. Theo đại diện nguyên đơn trình bày, sau khi đối chiếu công nợ thì bị đơn không thanh toán nợ theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số nợ trên. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn thống nhất số tiền còn nợ và đồng ý trả, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật, được chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán:

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán là đúng quy định theo Điều 440 Bộ luật Dân sự. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tính từ 01/09/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25/7/2025 là: $363.750.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng} = 32.707.000 \text{ đồng}$. Mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu không vượt quá quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 396.457.000 đồng, trong đó tiền gốc là 363.750.000 đồng, tiền lãi 32.707.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn không phải chịu, được nhận lại toàn bộ số tiền đã dự nộp.
- Bị đơn được miễn do thuộc trường hợp là người khuyết tật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 430, 433, 440, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng X – Chủ hộ kinh doanh T1.

Buộc ông Nguyễn Hoàng T và bà Trần Thị Thu A có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Hoàng X – Chủ hộ kinh doanh T1 số tiền 396.457.000 đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hoàng X – Chủ hộ kinh doanh T1 không phải chịu, hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hoàng X – Chủ hộ kinh doanh T1 9.697.575 đồng (Chín triệu sáu trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004142 ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Cà Mau).

- Ông T và bà Thu A được miễn.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

